

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:119/2021/HSST
Ngày 29-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Hương
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai (Đường B2, phường Bắc Cường, thành phố L, tỉnh Lào Cai).

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:112/HSST-QĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1.Trần Văn T tên gọi khác: Không - Sinh năm 1957 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai.

ĐKHKT và nơi ở: Tổ 19, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 05/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Hình (đã chết) và bà Trần Thị Toàn (đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Xuân Thanh sinh năm 1962 (đã ly hôn), bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 1988 nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án: có 01 tiền án tại bản án số 109/HSST ngày 03/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo được hoãn chấp hành thi hành án, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu.Tại Bản án số 19/HSST ngày 26/8/1983 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn xử phạt 09 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Tại bản án số 15/HSST ngày 29/7/1994 bị Tòa án nhân dân thị xã Lào Cai

xử phạt 12 tháng tù giam về tội Cường đoạt tài sản của công dân. Tại bản án số 97/HSST ngày 13/11/1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản công dân. Năm 1974 bị cáo bị ty công an Lào Cai cảnh cáo, miễn tố về hành vi dùng dao đâm công an. Năm 1978 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ra quyết định đưa đi tập trung giáo dục cải tạo trong thời hạn 3 năm.

Bị cáo Trần Văn T hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “Có mặt tại phiên Tòa”.

2. Lê Đình V Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 03 năm 1972 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai

ĐKHKT: Tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Nơi ở: Tổ 07, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Khuê (đã chết) và bà Bùi Thị Huệ (đã chết). Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 101/HSST ngày 09/7/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 16 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Đến nay bị cáo chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt sung quỹ nhà nước của bản án, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Không; Bị cáo Lê Đình V bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2021. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai “Có mặt tại phiên tòa”.

3. Trần Đình T Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22 tháng 05 năm 1976 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai.

ĐKHKT và nơi ở: Tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình Định và bà Trần Thị Hán (đã chết). Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Hoa sinh năm 1978 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 con sinh năm 2001.

Tiền án: Không Tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Tại bản án số 57/HSST ngày 19/11/2002, bị Tòa án nhân dân thị xã Lào Cai xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Tại bản án số 44/HSST ngày 26/4/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Tại bản án số 128/HSST ngày 17/9/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 06 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đến nay bị can đã chấp hành xong và thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Ngày 14/10/2008 bị đưa đi cai nghiện tại trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội thành phố L trong thời hạn 12 tháng.

Bị cáo Trần Đình T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2021. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai “Có mặt tại phiên tòa”.

4. Trương Quốc L Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 28 tháng 05 năm 1999 tại huyện B, tỉnh Hà Giang.

ĐKHKT và nơi ở: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn Minh và bà Doãn Thị Thơm. Bị cáo có vợ Nguyễn Thanh Huyền sinh năm 2001. Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Không Tiền sự: Không ; Nhân thân: Không

Bị cáo Trương Quốc L bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2021. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai “Có mặt tại phiên tòa”.

5. Lương Ngọc T Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 11 năm 1969 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai.

ĐKHKT và nơi ở: Tổ 5, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Sấm Sin (đã chết) và bà Bùi Thị Thái (tên gọi khác Bùi Sơn Thái). Bị cáo chưa có vợ, chưa có con.

Tiền án: Tại bản án số 49/HSST ngày 18/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát xử phạt 07 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 27/01/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương. Tính đến lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Tại bản án số 40/HSST ngày 15/11/1996 bị Tòa án nhân dân thị xã Lào Cai xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản công dân. Tại bản án số 22/HSST ngày 29/3/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 07 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

Bị cáo Lương Ngọc T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2021. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai “Có mặt tại phiên tòa”.

Người Làm chứng:

Ông Lê Anh D- sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 11, phường C, thành phố L. (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Hoàng Đức T – sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 03, phường D, thành phố L, thành phố L.(vắng mặt tại phiên tòa)

2. Anh Đặng Văn S - sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 5, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Bùi Văn T – sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ 17, phường T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ 50 phút ngày 11/6/2021, tại khu vực đường Trần Đại Nghĩa thuộc tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai phát hiện Trần Đình T đang đứng ở ven đường có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Quá trình kiểm tra, Trần Đình T khai nhận bản thân đang cất giấu ma túy trên người và tự giác lấy từ trong túi quần bên phải Trần Đình T đang mặc 01 gói giấy bạc màu trắng, mở kiểm tra bên trong có chứa chất bột khô, màu trắng, vón cục ra giao nộp cho tổ công tác. Trần Đình T khai nhận đây đều là ma túy Heroine của Thắng, mục đích cất giấu để sử dụng cho bản thân.

Hồi 07 giờ 45 ngày 11/6/2021, tại khu vực đường Nguyễn Huệ thuộc tổ 08, phường Lào Cai, thành phố L, tỉnh Lào Cai phát hiện Trương Quốc L đang đứng trước cửa số nhà 232 đường Nguyễn Huệ có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Quá trình kiểm tra, Trương Quốc L khai nhận đang cất giấu ma túy trên người và tự giác lấy từ trong chiếc ví giả da màu đen ở trong túi quần dài phía trước bên phải mà Trương Quốc L đang mặc ra 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa chất bột khô, vón cục, màu trắng. Trương Quốc L khai nhận đây là ma túy Heroine của Lập, mục đích cất giấu để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra còn tạm giữ của Trương Quốc L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số seri: 351928054966004; 01 ví giả da màu đen và 400.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hồi 08 giờ 40 phút ngày 11/6/2021, tại khu vực đường Duyên Hải thuộc tổ 07, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai phát hiện Lương Ngọc Thủy đang đứng ở ven đường có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Quá trình kiểm tra, Lương Ngọc Thủy tự giác giao nộp 01 gói giấy bạc màu trắng mà Lương Ngọc Thủy đang cầm trong lòng bàn tay phải, mở kiểm tra bên trong gói giấy bạc màu trắng có chứa chất bột khô, màu trắng, vón cục. Lương Ngọc Thủy khai nhận đây là ma túy Heroine của Lương Ngọc Thủy, mục đích cất giấu để sử dụng cho bản thân.

Sau khi bị bắt, Trần Đình T, Trương Quốc L, Lương Ngọc Thủy khai nhận nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của Lê Đình V tại địa chỉ tổ 7, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Hồi 11 giờ 50 phút ngày 11/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố L tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đình V tại tổ 7, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quá trình khám xét, Lê Đình V khai nhận đang

cất giấu ma túy tại nơi ở và tự giác lấy từ trong chiếc hộp giấy để ở dưới gầm bàn giáp tường bên phải cửa ra vào giao nộp cho lực lượng công an: 03 gói giấy bạc màu trắng chứa chất bột khô, màu trắng, vón cục. Lê Đình V khai nhận đây là ma túy Heroine, mục đích cất giấu để bán kiếm lời và tự giác lấy từ trong người ra giao nộp số tiền 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng) là số tiền do bán ma túy mà có. Ngoài ra còn thu giữ 10 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 chiếc dao lam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen có số IMEI: 865222043316011; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đình V; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVES màu đỏ đen mang Biển kiểm soát: 24B1-256.43; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 24B1-256.43. Quá trình khám xét tại nơi ở của Lê Đình V còn có Trần Văn T nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 19, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai, Trần Văn T khai nhận 03 gói ma túy Heroine của Lê Đình V giao nộp là do Trần Văn T mua về để cùng Lê Đình V bán kiếm lời.

Ngày 11/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L ra quyết định số 168, 169, 170, 171 gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai trung cầu giám định về ma túy và gửi số vật chứng đã thu giữ để giám định, xác định:

+ Khối lượng của số chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ Trần Đình T là 0,11 (không phẩy mười một) gam. Tiến hành trích: 0,05gam (không phẩy không lăm) để giám định. Còn lại sau trích mẫu giám định: 0,06 (không phẩy không sáu) gam chất bột khô, màu trắng hoàn trả lại cơ quan trung cầu.

Tại bản kết luận giám định số 144/GĐMT ngày 14/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 0,11 (không phẩy mười một) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ của Trần Đình T gửi giám định là loại chất ma túy Heroine.

+ Khối lượng của số chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ Trương Quốc L là: 0,17 (không phẩy mười bảy) gam. Tiến hành trích: 0,06 (không phẩy không sáu) gam để giám định. Còn lại sau trích mẫu giám định: 0,11 (không phẩy mười một) gam hoàn trả lại cơ quan trung cầu.

Tại bản kết luận giám định số 146/GĐMT ngày 14/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 0,17 (không phẩy mười bảy) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ của Trương Quốc L gửi giám định là loại chất ma túy Heroine.

+ Khối lượng của số chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ Lương Ngọc T là: 0,23 (không phẩy hai mươi ba) gam. Tiến hành trích: 0,08 (không phẩy không tám) gam để giám định. Còn lại sau trích mẫu giám định: 0,15 (không phẩy mười lăm) gam hoàn trả lại cơ quan trung cầu.

Tại bản kết luận giám định số 147/GĐMT ngày 15/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 0,23 (không phẩy hai mươi ba) gam chất bột

khô, màu trắng, vón cục thu giữ của Lương Ngọc T gửi giám định là loại chất ma túy Heroine.

+ Tổng khối lượng của số chất bột khô, vón cục, màu trắng trong 03 (ba) gói giấy bạc màu trắng thu giữ tại nơi ở của Lê Đình V là: 0,17 (không phẩy mười bảy) gam. Tiến hành trích: 0,09 (không phẩy không chín) để giám định. Còn lại sau trích mẫu giám định: 0,08 (không phẩy không tám) gam hoàn trả lại cơ quan trưng cầu.

Tại bản kết luận giám định số 143/GĐMT ngày 15/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 0,17 (không phẩy mười bảy) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ tại nơi ở của Lê Đình V gửi giám định là loại chất ma túy Heroine.

Cáo trạng số 103/KSĐT ngày 14/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Trần Văn T, Lê Đình V về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đình T; Trương Quốc L; Lương Ngọc T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố là điểm b khoản 2 Điều 251- Bộ luật Hình sự. điểm c khoản 1 điều 249- Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng đến 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Đình V phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" xử phạt bị cáo Lê Đình V với mức án từ 07 (Bảy) năm tù đến 07(bảy) năm 03 (ba) tháng tù giam.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" xử phạt bị cáo Trần Đình T với mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Quốc L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" xử phạt bị cáo Trương Quốc L với mức án từ 01 (một) năm đến 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" xử phạt bị cáo Lương Ngọc T với mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù giam.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự ; điểm a,b khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy (Heroine)còn lại của các bị cáo sau giám định.

Tịch thu tiêu hủy 10(Mười) mảnh giấy bạc màu trắng; 01 (Một) chiếc dao lam thu giữ của Lê Đình V và 01 ví giả da màu đen thu giữ của Trương Quốc L.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lê Đình V. Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen có số IMEI: 865222043316011 để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đình V.

Truy thu số tiền 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền bị cáo Lê Đình V đã bán ma túy. Bị cáo Trần Văn T và Lê Đình V mỗi bị cáo là 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng) trong tổng số tiền là 400.000 đồng thu giữ của bị cáo Trương Quốc L để đảm bảo công tác thi hành án. Số tiền còn lại là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) trả lại cho bị cáo.

Trả lại cho bị cáo Trương Quốc L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số seri: 351928054966004.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ và kết luận giám định. Quá trình điều tra bị cáo Trần Đình T, Trương Quốc L, Lương Ngọc Thủy khai nhận nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của Lê Đình V tại địa chỉ tổ 7, phường D, thành phố L. Quá trình khám xét, Lê Đình V khai nhận đang cất giấu ma túy tại nơi ở và tự giác lấy từ trong chiếc hộp giấy để ở dưới gầm bàn giáp tường bên phải cửa ra vào giao nộp cho lực lượng công an: 03 gói giấy bạc màu trắng chứa chất bột khô, màu trắng, vón cục. Lê Đình V khai nhận đây là ma túy Heroine, mục đích cất giấu để bán kiếm lời và tự giác lấy từ trong người ra giao nộp số tiền

110.000 đồng là số tiền do bán ma túy mà có. Khi khám xét nơi ở của Lê Đình V còn có Trần Văn T, Trần Văn T khai nhận 03 gói ma túy Heroine của Lê Đình V giao nộp cho cơ quan điều tra là do Trần Văn T trực tiếp đi mua về đưa cho Lê Đình V để cùng Lê Đình V bán kiếm lời. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Văn T, Lê Đình V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Trần Đình T, Trương Quốc L, Lương Ngọc Thủy phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo Trần Văn T đã có 01 tiền án tại bản án số 109/HSST ngày 03/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo được hoãn chấp hành thi hành án. Vì vậy lần thực hiện hành vi phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 – Bộ luật Hình sự. Do bản án trước bị cáo đang được hoãn thi hành án mà bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội mới. Vì vậy tại bản án này cần áp dụng Điều 55; Điều 56 – Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo Trần Văn T là người có nhân thân xấu tại Bản án số 19/HSST ngày 26/8/1983 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn xử phạt 09 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Tại bản án số 15/HSST ngày 29/7/1994 bị Tòa án nhân dân thị xã Lào Cai xử phạt 12 tháng tù giam về tội Cường đoạt tài sản của công dân. Tại bản án số 97/HSST ngày 13/11/1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản công dân. Năm 1974 bị cáo bị ty công an Lào Cai cảnh cáo, miễn tố về hành vi dùng dao đâm công an. Năm 1978 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ra quyết định đưa đi tập trung giáo dục cải tạo trong thời hạn 3 năm.

Bị cáo Lê Đình V có 01 tiền án, tại bản án số 101/HSST ngày 09/7/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 16 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Đến nay bị cáo chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt sung quỹ nhà nước của bản án. Vì vậy, lần thực hiện hành vi phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52- Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lương Ngọc T có 01 tiền án, tại bản án số 49/HSST ngày 18/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát xử phạt 07 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 27/01/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương. Tính đến lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 – Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung. Xong xét thấy các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Đình T có bố đẻ là ông Trần Đình Định được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, huy chương chiến thắng hạng hai. Bị cáo Lương Ngọc Thủy có mẹ là bà Bùi Thị Thái (Bùi Sơn Thái) được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo Trần Đình T và bị cáo Lương Ngọc Thủy được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51- Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với người nữ giới đã bán ma túy cho Trần Văn T vào ngày 10/07/ 2021 tại khu vực thôn Giàng Thàng, xã Đồng Tuyển, thành phố L, ngoài lời khai của bị cáo ra không có tài liệu nào khác để chứng minh. Do vậy Cơ quan điều tra không làm rõ được, khi nào xác minh làm rõ được sẽ xử lý sau.

[4] Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo vai trò của các bị cáo được xác định như sau:

Bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng trực tiếp đi mua ma túy về để bị cáo Lê Đình V chia nhỏ bán kiếm lời. Vì vậy bị cáo Trần Văn T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Lê Đình V là người trực tiếp chia nhỏ số ma túy và bán cho Trần Đình T, Trương Quốc L, Lương Ngọc Thủy. Vì vậy bị cáo chịu vai trò thứ hai trong vụ án về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

[5] Bị cáo Trần Đình T, Lương Ngọc T, Trương Quốc L mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, các bị cáo không biết việc Trần Văn T và Lê Đình V thống nhất mua bán ma túy như thế nào. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng ma túy tàng trữ khi bị bắt quả tang đối với từng bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Đối với các bị cáo bị cáo Trần Văn T, Lê Đình V, Trần Đình T, Trương Quốc L, Lương Ngọc T không có tài sản gì riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Khi bị bắt giữ thu giữ của các bị cáo khối lượng chất ma túy như sau:

Bị cáo Trần Đình T bị thu giữ 01 gói ma túy có khối lượng là 0,11(không phẩy mười một) gam, trích 0,05 (Không phẩy không lăm) gam để giám định, còn lại sau trích mẫu là 0,06 (Không phẩy không sáu) gam hoàn lại cơ quan trưng cầu.

Bị cáo Trương Quốc L bị thu giữ 01 gói ma túy có khối lượng là 0,17(không phẩy mười bảy) gam, trích 0,06 (Không phẩy không sáu) gam để giám định, còn lại sau trích mẫu là 0,11 (Không phẩy mười một) gam hoàn lại cơ quan trưng cầu.

Bị cáo Lương Ngọc T bị thu giữ 01 gói ma túy có khối lượng là 0,23(không phẩy hai mươi ba) gam, trích 0,08 (Không phẩy không tám) gam để giám định, còn lại sau trích mẫu là 0,15 (Không phẩy mười lăm) gam hoàn lại cơ quan trưng cầu.

Bị cáo Lê Đình V bị thu giữ 03 gói ma túy có khối lượng là 0,17(không phẩy mười một) gam, trích 0,09 (Không phẩy không chín) gam để giám định, còn lại sau trích mẫu là 0,08 (Không phẩy không tám) gam hoàn lại cơ quan trưng cầu. Ngoài ra

còn thu giữ của bị cáo Lê Đình V 10(Mười) mảnh giấy bạc màu trắng; 01 (Một) chiếc dao lam. Xét thấy toàn bộ số vật chứng trên là vật nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lê Đình V là tiền bị cáo đã bán ma túy, vì vậy cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhả hiệu OPPO màu đen có số IMEI: 865222043316011 thu giữ của bị cáo Lê Đình V cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án. Trả lại cho bị cáo Lê Đình V 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đình V.

Đối với số tiền 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền bị cáo Lê Đình V đã bán ma túy mà có nhưng bị cáo Lê Đình V đã sử dụng vào việc mua thức ăn để cùng ăn với bị cáo Trần Văn T , cơ quan điều tra không thu giữ được. Đây là tiền do phạm tội mà có vì vậy cần truy thu của bị cáo Trần Văn T, Lê Đình V mỗi bị cáo số tiền là 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền là 400.000 đồng thu giữ của bị cáo Trương Quốc L cần tạm giữ 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) trong tổng số tiền thu giữ của bị cáo Trương Quốc L để đảm bảo công tác thi hành án về khoản tiền án phí. Số tiền còn lại là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhả hiệu Nokia màu đen, có số seri: 351928054966004; thu giữ của bị cáo Trương Quốc L. Xét thấy không liên qua đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả cho bị cáo là phù hợp.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 136- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số 109/2020/HS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (Chín) năm 09

(Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Đình V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lê Đình V 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/06/2021.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” xử phạt bị cáo Trần Đình T 01 (Một) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/06/2021.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Quốc L phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” xử phạt bị cáo Trương Quốc L 01 (một) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/06/2021.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” xử phạt bị cáo Lương Ngọc T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/06/2021.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự .

Tịch thu tiêu hủy 0,06 (Không phẩy không sáu) gam ma túy Heroine được niêm phong bằng bì thư in sẵn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai. Trên một mặt của bì niêm phong mới này có ghi “ Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ bắt quả tang Trần Đình T có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện thu giữ ngày 11 tháng 06 năm 2021 tại tổ 11, phường C, thành phố L.

Tịch thu tiêu hủy 0,11 (Không phẩy mười một) gam ma túy Heroine được niêm phong bằng bì thư in sẵn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai. Trên một mặt của bì niêm phong có ghi “ Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Trương Quốc L có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện, thu giữ ngày 11 tháng 06 năm 2021 tại tổ 8, phường Lào Cai, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Tịch thu tiêu hủy 0,15 (Không phẩy mười lăm) gam ma túy Heroine được niêm phong bằng bì thư in sẵn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai. Trên một mặt của bì niêm phong có ghi “ Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Lương Ngọc T có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện, thu giữ ngày 11 tháng 06 năm 2021 tại tổ 7, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Tịch thu tiêu hủy 0,08 (Không phẩy không tám) gam ma túy Heroine được niêm phong bằng bì thư in sẵn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai. Trên một mặt của bì niêm phong có ghi “ Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu

giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Lê Đình V ngày 11 tháng 06 năm 2021 tại tổ 7, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Tịch thu tiêu hủy 10(Mười) mảnh giấy bạc màu trắng; 01 (Một) chiếc dao lam; 01 ví giả da màu đen.

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen có số IMEI: 865222043316011 thu giữ của Lê Đình V để đảm bảo công tác thi hành án (Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra được số seri).

Trả lại cho bị cáo Lê Đình V 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đình V.

Truy thu số tiền 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó Trần Văn T, Lê Đình V mỗi bị cáo là 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Trương Quốc L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số seri: 351928054966004. (Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra được số seri)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 11 năm 2021)

Tịch thu số tiền 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng) thu giữ của Lê Đình V để sung vào ngân sách nhà nước.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12 tháng 10 năm 2021)

Tạm giữ số tiền 200.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng) trong tổng số tiền là 400.000 đồng thu giữ của bị cáo Trương Quốc L để đảm bảo công tác thi hành án. Số tiền còn lại là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) trả lại cho bị cáo Trương Quốc L.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 15 tháng 10 năm 2021)

Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trần Văn T, Lê Đình V, Trần Đình Thắng, Trương Quốc L, Lương Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP 2;
- Công an TP 3;
- Các bị cáo;
- Sở TP
- T.H.A 2;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thanh Hương